

Số: /KH-UBND

Lạng Giang, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước huyện Lạng Giang năm 2023

Căn cứ Kế hoạch số 6649/KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023; Kế hoạch số 32-KH/HU ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 09/9/2021 của UBND huyện về Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 28/7/2022 về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030; UBND huyện Lạng Giang ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục duy trì và nâng cao chỉ số chuyển đổi số của huyện Lạng Giang trong thời gian vừa qua và từng bước thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 115/KH-UBND của UBND huyện, Kế hoạch số 32-KH/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy và Kế hoạch số 6649/KH-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần phát sinh hồ sơ đạt trên 90%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) xử lý trực tuyến đạt trên 60%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 40%.
- Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị đạt tối thiểu 60% đối với cấp huyện, 55% đối với cấp xã.
- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các CQNN dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại cấp huyện trên 85%, cấp xã trên 55%.
- Trên 85% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo

thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- 100% các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trước ngày 01/6/2023.

- Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% các xã, thị trấn trên địa bàn huyện xây dựng Cổng thông tin điện tử là công thành phần của Cổng Thông tin điện tử của UBND huyện và UBND tỉnh.

2.2. Phát triển kinh tế số

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

- 100% các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể áp dụng hóa đơn điện tử; các doanh nghiệp đã thực hiện nộp thuế điện tử.

- 100% sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của huyện tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

2.3. Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.

- Tỷ lệ phủ sóng di động tới 100% thôn/tổ dân phố.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 90%.

- 100% trụ sở cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện được gắn biển địa chỉ số.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác đạt 70%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

- Tỷ lệ người dân ứng dụng định danh điện tử đạt trên 30%.

(Phân công cơ quan theo dõi, đôn đốc, chủ trì thực hiện chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo).

II. NHIỆM VỤ

a) Ngày Chuyển đổi số

- Tổ chức hoạt động Ngày Chuyển đổi số huyện Lạng Giang năm 2023 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

- Phát động cán bộ công chức và người dân trên địa bàn huyện tham gia cuộc thi tìm hiểu trực tuyến về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang.

b) Học tập sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Cử cán bộ trực tiếp đến học tập mô hình chuyển đổi số cấp xã của xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn và xã Phúc Hoà, huyện Tân Yên để làm cơ sở xây dựng các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục tuyên truyền về các bài toán chuyển đổi số của các địa phương tham khảo tại địa chỉ: <https://c63.mic.gov.vn>. Đồng thời các cơ quan, đơn vị,

UBND các xã, thị trấn chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm hay, mô hình về chuyển đổi số liên quan đến CQNN, doanh nghiệp, người dân để nghiên cứu, áp dụng cho cơ quan, đơn vị mình.

c) Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

Chỉ đạo Tổ công nghệ số cấp huyện, cấp xã thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyên đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

2. Thể chế số

- Thực hiện quy chế tích hợp, kết nối, liên thông phục vụ chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Thực hiện quy trình vận hành các hệ thống thông tin của huyện đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin theo quy định của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số cấp huyện và cấp xã, xếp hạng các đơn vị, lãnh đạo theo quy định của tỉnh.

- Thực hiện các chính sách, giải pháp thu hút đầu tư của tỉnh, trong đó ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghệ số, công nghệ cao, thương mại điện tử,... thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số trên địa bàn huyện để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng chất lượng cao của tỉnh.

- Triển khai thực hiện Đề án "Nâng cấp hạ tầng CNTT, thúc đẩy chuyển đổi số huyện Lạng Giang giai đoạn 2022- 2025; định hướng đến năm 2030". Trong đó, yêu cầu thực hiện nâng cấp, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị hợp trực tuyến của các cơ quan nhà nước từ huyện đến xã; đầu tư trang thiết bị CNTT, các phương tiện khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị; đầu tư trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi toàn bộ địa chỉ giao thức Internet thế hệ cũ (Ipv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6) đối với toàn bộ hệ thống hạ tầng CNTT của huyện,...

4. Dữ liệu số

- Thực hiện tiếp nhận, kế thừa, sử dụng các CSDL đã được tỉnh đầu tư, xây dựng (*các CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tư pháp, tài chính, bảo hiểm...*).

- Tham gia cung cấp số liệu để xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp tục tham gia cung cấp số liệu phát triển phần mềm số hóa, bản đồ hóa hệ thống thông tin cơ bản của tỉnh.

- Tham gia xây dựng và triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin chuyên ngành nhằm phục vụ quản lý hành chính trên địa bàn huyện đối với các lĩnh vực:

Giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, công thương, tư pháp, văn hóa du lịch, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, nội vụ, kế hoạch và đầu tư, hệ thống thông tin quản lý văn thư, lưu trữ.

5. Nền tảng số

- Cập nhật số liệu với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Bắc Giang.
- Tham gia xây dựng nền tảng kết nối dịch vụ số hóa của tỉnh.
- Tiếp tục duy trì và sử dụng các nền tảng đã triển khai phục vụ công tác khám chữa bệnh và chỉ đạo điều hành như: Nền tảng quản lý tiêm chủng, Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, Nền tảng trạm y tế xã (Y tế cơ sở), nền tảng quản lý xét nghiệm, ứng dụng giải pháp trí tuệ nhân tạo hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh y tế tại các cơ sở khám bệnh, Trung tâm điều hành Y tế, nền tảng thanh toán chi phí dịch vụ khám chữa bệnh không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế.

6. Nhân lực số

- Cử cán bộ tham gia tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp huyện đến cấp xã.

- Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước do tỉnh tổ chức.

- Phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Rà soát, tham mưu UBND huyện bố trí sắp xếp bổ sung cán bộ chuyên trách CNTT cấp huyện, cán bộ cấp xã (*chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về CNTT*), nêu rõ chức danh đảm nhận nhiệm vụ CNTT.

7. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của huyện theo mô hình 4 lớp, đảm bảo khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn huyện.

- Đầu tư các thiết bị, phần mềm, hệ thống giám sát bảo đảm an toàn thông tin; các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các CQNN. Đầu tư một số dịch vụ cung cấp các thông tin cập nhật về nguy cơ tấn công mạng và các dịch vụ

kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ.

8. Chính quyền số

- Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc (trong đó có hệ thống theo dõi các nhiệm vụ được giao), Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính. Thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình.

- Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai, phát triển, tích hợp, ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các CQNN huyện Lạng Giang.

9. Kinh tế số

- Hỗ trợ việc đăng ký và thành lập doanh nghiệp công nghệ số mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số về thủ tục gia nhập thị trường.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển ứng dụng, sử dụng các sản phẩm công nghệ số. Tuyên truyền giới thiệu doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số (SMEDx) và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Sử dụng kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp để làm căn cứ ưu tiên xét duyệt hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp về công nghệ, tư vấn và chuyển đổi số trong các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp có liên quan.

- Tiếp tục phối hợp với sở Công thương và các Sàn thương mại điện tử trong nước, Ngân hàng... kết nối, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, hộ nông dân trên địa bàn toàn huyện tham gia sàn thương mại điện tử trong nước như: Lazada, Shopee, Tiki, Sendo, Voso.vn. Postmart...và sàn TMĐT nước ngoài như Alibaba.com nhằm quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm, hàng hóa đặc trưng, tiêu biểu, tiềm năng của huyện.

- Phối hợp tổ chức 03- 05 chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến đa dạng như: các chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến; các chương trình xúc tiến thương mại điện tử trên các sàn thương mại điện tử lớn (như: Lazada, Shopee, Tiki, Sendo, Voso, Postmart,...); hội thảo chuyên đề, tập huấn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để giúp họ tự đánh giá lại phương pháp sản xuất kinh

doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất kinh doanh của mình theo phương thức mới.

10. Xã hội số

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, ưu tiên triển khai tại các khu, cụm công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch.

- Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp chính sách pháp luật trên nền tảng số, đa dạng hóa các kênh truyền thông số giúp cộng đồng dễ tiếp cận, sử dụng, nâng cao nhận thức về kinh tế số, xã hội số, chính quyền số. Bảo đảm tương tác giữa các cơ quan, đơn vị với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị.

- Tiếp tục chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp, đoàn thanh niên phát huy tinh thần xung kích, tăng cường hỗ trợ người dân sử dụng các công nghệ số, tham gia các sàn thương mại điện tử (Voso, Postmart...), sử dụng dịch vụ công trực tuyến,...

- Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng để thông qua Tổ CNSCĐ đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân nhằm đưa người dân lên môi trường số, để người dân tiên phong sử dụng các công nghệ số, tham gia các sàn thương mại điện tử (Voso, Postmart...), sử dụng dịch vụ công trực tuyến,... qua đó, trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ hơn.

- Triển khai lắp đặt hệ thống Wifi miễn phí tại Quảng trường huyện, Trung tâm Hội nghị huyện và nhà văn hoá các xã, thị trấn, các thôn của xã về đích nông thôn mới nâng cao; triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCV và Nhân dân trên địa bàn huyện. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của huyện; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; ứng dụng các nền

tăng, kênh tương tác trực tuyến giữa CQNN và người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Phối hợp doanh nghiệp bưu chính trên địa bàn cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số,...

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các CQNN theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát đề nghị loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT các CQNN theo khung chương trình bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về CNTT của tỉnh.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

- Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, hạ tầng CNTT, CSDL, các ứng dụng, dịch vụ của huyện.

- Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Chi tiết tại Đề án "Nâng cấp hạ tầng CNTT, thúc đẩy chuyển đổi số huyện Lạng Giang giai đoạn 2022- 2025; định hướng đến năm 2030")

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách cấp huyện cân đối, cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện

nhiệm vụ của các cơ quan cấp huyện.

2. UBND huyện và UBND các xã, thị trấn chủ động bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách thường xuyên để thực hiện chuyển đổi số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của tỉnh (*trong đó đảm bảo 10% chi phí đầu tư cho an toàn, an ninh mạng*).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì tham mưu tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo UBND huyện theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Văn phòng HĐND&UBND huyện, Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện thực hiện tốt các nội dung đầu tư trong Đề án “Nâng cấp hạ tầng CNTT, thúc đẩy chuyển đổi số huyện Lạng Giang giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số như: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, nội dung, hoạt động chuyển đổi số của huyện; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về thực hiện chuyển đổi số.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin, các đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND huyện, bố trí kinh phí đảm bảo tối thiểu 2% tổng chi ngân sách thường xuyên từ ngân sách cấp huyện, cấp xã để thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của huyện đặc biệt trong việc đầu tư các trang, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chuyển đổi số.

3. Các cơ quan thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ vào nhiệm vụ về công tác chuyển đổi số; ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023. (*Trước ngày 10/02/2023*); chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về kết quả chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số” tại ngành mình, cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- UBND các xã, thị trấn chủ động bố trí tối thiểu 02% tổng chi ngân sách thường xuyên để triển khai đầu tư thực hiện các nội dung về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng

chung của toàn huyện và của tỉnh.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của ngành, đơn vị mình trên Cổng thông tin điện tử của huyện, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Văn hoá và Thông tin và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

4. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn huyện

- Chủ động các nguồn lực để ưu tiên đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công nghệ thông tin, truyền thông; xác định việc thực hiện Kế hoạch này là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, góp phần đưa huyện Lạng Giang duy trì trong nhóm 04 huyện dẫn đầu tỉnh về chuyển đổi số.

- Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Phối hợp với Phòng Văn hoá và Thông tin triển khai các giải pháp, công nghệ, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số trong các CQNN huyện Lạng Giang năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Văn hoá và Thông tin huyện để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan TW, tỉnh đóng trên địa bàn huyện;
- Các cơ quan thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVX, CNTT;
- Lưu: VT, VHTT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bằng

Phụ lục I

PHÂN CÔNG CƠ QUAN THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC, CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang)

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đơn đốc	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	Phát triển chính quyền số		
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần phát sinh hồ sơ đạt trên 90%	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến đạt trên 60%	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
3	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 40%	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
4	Số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình, đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu, 60% đối với cấp huyện, 55% đối với cấp xã	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
5	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các CQNN dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật)	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đơn đốc	Cơ quan chủ trì thực hiện
6	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện trên 85%, tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã trên 55% được xử lý trên môi trường mạng	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
7	Trên 85% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
8	100% các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trước ngày 01/6/2023	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
9	Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
10	100% các xã, thị trấn trên địa bàn huyện xây dựng Cổng thông tin điện tử là cổng thành phần của UBND huyện và UBND tỉnh	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan QLNN, ĐVSN thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn
II	Phát triển kinh tế số		
1	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện
2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện
3	100% các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể áp dụng hóa đơn điện tử; các doanh nghiệp đã thực hiện nộp thuế điện tử	Chi Cục Thuế khu vực Lục Nam - Lạng Giang	Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện

STT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đơn đốc	Cơ quan chủ trì thực hiện
4	100% sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của huyện tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	Phòng Nông nghiệp và PTNT	UBND các xã, thị trấn
III	Phát triển xã hội số		
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện
2	Tỷ lệ phủ sóng di động tới 100% thôn/tổ dân phố	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện
3	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt trên 90%.	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện
4	100% trụ sở cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện được gắn biển địa chỉ số	Phòng Văn hoá và Thông tin	Bưu điện huyện; UBND các xã, thị trấn
5	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức cho phép khác đạt 70%	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện; Các DN viễn thông trên địa bàn huyện cung cấp mobile money
6	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%	Phòng Y tế	UBND các xã, thị trấn
7	Tỷ lệ người dân ứng dụng định danh điện tử đạt trên 30%	Công an huyện	UBND các xã, thị trấn